

Bản án số: 70/2018/DS-ST
Ngày: 06 – 12 - 2018
“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Đức.

Ông Lâm Văn Tùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa:*** Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 03 đến ngày 06 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2018/TLST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2018/QĐXXST-DS ngày 06/11/2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Lê Văn L, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 05, ấp Mỹ PD, xã VH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 199, đường NT, khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2018). (Ông U có mặt)

- ***Bị đơn:***

1/ Ông Nguyễn Thanh LA, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 02, ấp MT, xã MQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Bích Ch, sinh năm 1984. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm VH, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Anh Lê Chi L1, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 05, ấp Mỹ PD, xã VH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2018 cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày như sau: Vào ngày 02 tháng 02 năm 2018 (nhằm ngày 17 tháng 12 năm 2017) ông L có làm hợp đồng mua lúa RVT với ông Nguyễn Thanh LA 38 công tầm cây, số lượng mua là 200 tấn lúa, giá mỗi kilogram là 6.900 đồng, thỏa thuận lúa khô sạch đẹp, không ra gạo, 5% độ lẫn. Thời gian thu hoạch lúa là từ ngày 17/03/2018 (nhằm ngày 01/02/2018 âm lịch) đến ngày 14/04/2018 (nhằm ngày 29/02/2018 âm lịch), và tiến hành giao lúa vào ngày 02/02/2018 âm lịch đến ngày 30/02/2018 âm lịch, ghe lấy lúa là từ 30 tấn trở lên, mỗi lần cân lúa được 100 tấn thì trừ 40.000.000 đồng tiền cọc. Việc mua bán lúa có lập tổng cộng 04 hợp đồng viết tay và đánh máy (03 hợp đồng đề các ngày 17/12/2017 (âm lịch) và 01 hợp đồng đề ngày 21/12/2017 (âm lịch), có chữ ký của các bên. Đồng thời, ông LA có nhận tiền đặc cọc của ông L tổng cộng số tiền là 90.900.000 đồng để đảm bảo cho việc ông cân lúa của ông LA.

Đến ngày 24/02/2018 âm lịch, con ông L là Lê Chi L1 có thay ông L đến nhà ông LA để cân lúa đúng theo thỏa thuận của hợp đồng. Tuy nhiên khi đến nơi thì ông LA không có ở nhà vì vậy em vợ của ông LA là ông Nguyễn Văn C đứng ra cân lúa, còn em dâu của ông Lâm là bà Nguyễn Thị Bích Ch đứng ra ghi số lượng, trong đó còn có ông Đàm Văn V là người ở xóm là người khiên lúa lên cân.

Sau khi cân xong tổng số lượng lúa mà ông L cân của ông LA chỉ có 56 bao tương ứng với số lượng 2876 kg x giá 7.200 đồng (giá đã thỏa thuận lại giữa ông Luân và ông Lâm) = 20.707.200 đồng. Như vậy, số lượng lúa ông mua được theo thỏa thuận trong hợp đồng với ông LA là không đủ. Sau khi khấu trừ tiền cọc thì ông LA còn nợ lại ông L số tiền như sau: 90.900.000 đồng (tiền cọc) – 20.707.000 = 70.193.000 đồng. Đến ngày 23/05/2018 ông LA tự viết và ký biên nhận nợ cho ông L cam kết sẽ trả cho ông L số tiền 70.193.000 đồng trong thời hạn từ ngày 23/05/2018 đến ngày 30/06/2018. Hàng chữ cuối cùng khi ký tên xong thì ông LA có thêm vào câu “còn tiền để cộng sau” thì phía nguyên đơn cũng không biết vì sao để như vậy. Tuy nhiên hết thời hạn nêu trên ông LA, bà Th vẫn không chịu trả tiền cọc, ông L có nhiều lần yêu cầu ông LA, bà Th trả lại cho ông phần tiền cọc còn thiếu là 70.193.000 đồng nhưng ông LA không chịu trả. Ông L cũng đã yêu cầu tổ hòa giải ấp MT, xã MQ đứng ra hòa giải nhưng ông LA cũng không đồng ý trả.

Theo đơn khởi kiện ông L yêu cầu ông Nguyễn Thanh LA và bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 70.193.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thanh LA có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 70.193.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và không yêu cầu bồi thường hợp đồng vì ông LA là người trực tiếp ký hợp đồng với ông L, bà Th không liên quan.

- Tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 08/6/2018 và Biên bản hòa giải tại tòa án ngày 28/6/2018, bị đơn ông Nguyễn Thanh LA trình bày như sau: Biên nhận ngày 23/5/2018 và các hợp đồng gồm: 01 Hợp đồng mua bán lúa 17/12/2017; 01 Hợp đồng mua bán lúa 21/12/2017; 02 Hợp đồng mua bán lúa 17/12/2017 là chữ ký của ông, ông thừa nhận có nhận tiền cọc của ông Luân với số tiền 90.900.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày, tuy nhiên đến ngày 24/02/2018 ông có cắt lúa tổng cộng là 12 công ở khóm VH, Phường B, máy cắt của ông Tr, địa chỉ: Khóm VH, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Hôm đó ông đi cân lúa ở xa không có ở nhà, ông định buổi chiều ông L mới qua cân lúa, tuy nhiên sáng ông L đã qua cân lúa rồi mà không có báo cho ông, tự ý cân lúa khi về ông mới hay, ông cũng không có nhờ em ông là ông C và Bích Ch cân lúa đùm cho ông, qua ngày sau ông có kêu ông L qua tính số cân lúa được bao nhiêu nhưng ông L không chịu qua tính tiền lúa khoảng 10 ngày sau thì có qua tính tiền nhưng chỉ có 56 bao với tổng 2.876kg, ông không đồng ý ông cắt lúa tới 12 công khoảng 200 bao chứ không phải 56 bao. Tính ra $200 \times 50\text{kg}/1\text{bao} \times 7.200 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng}$ trừ đi 90.900.000 đồng = 18.900.000 đồng. Ngày 23/5/2018 ông có viết biên nhận cho ông L hứa 30 ngày sẽ trả cho ông L số tiền 70.193.000 đồng nhưng sau khi viết biên nhận xong thì ông mới nhớ lại chưa trừ thêm tiền lúa cân của ông nên ông có viết câu “còn tiền để cộng sau”, đó là tiền lúa để cộng sau. Ông yêu cầu xác minh những người làm chứng theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Việc nhận tiền cọc nhằm làm ăn kinh tế gia đình nhưng do làm ăn thất bại mới không có khả năng trả. Hiện tại ông chỉ còn thiếu ông L số tiền 18.900.000 đồng, ông đồng ý trả cho ông L 18.900.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí LI trình bày như sau: Vào ngày 24/2/2018 âm lịch cha ông kêu ông đi qua Ngã Năm cân lúa của ông L, ông cân đùm cho cha ông gồm có ông C tổng là 18.677 kg; cân của ông LA 2.876 kg chỉ có 56 bao. Sau khi cân xong thì tính tiền các hộ kia chỉ có hộ của ông LA là chưa tính tiền vì ông có gọi ông LA về tính tiền nhưng ông LA không về được vì ông LA nhận tiền cọc của cha ông hơn 90 triệu mà trong khi đó lúa của ông LA chỉ có $2.876 \text{ kg} \times 7.200 = 20.707.000$. Vì vậy ông ra về để về cha ông tính tiền lại với ông LA. Trong lúc cân thì bà Bích Ch cũng có ghi lúa cho ông LA và ông cũng có ghi riêng một tờ giấy mà cha ông đã cung cấp cho tòa án, hiện nay ông kêu bà Bích Ch đem giấy ra đối chiếu thì bà Ch không đem ra cho rằng là mất giấy. Sau này cha ông và ông LA tính tiền thì ông LA có ký xác nhận còn thiếu 70.193.000 đồng ($90.900.000 - 20.707.000 = 70.193.000$ đồng), nhưng đến hiện nay ông LA cũng không có trả cho ông vì vậy cha ông mới yêu cầu khởi kiện ông LA.

- Căn cứ vào biên bản lấy khai ngày 08/8/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Bích Ch trình bày như sau: Trước ngày 24/02/2018 âm lịch thì ông LÃ có điện thoại nhờ ông bà đứng ra cân lúa bán cho ông L, ông bà có cân đùm lúa ông LA bán cho ông L tổng là 12 công ruộng ông bà cũng không nhớ cân bao nhiêu bao nữa, sau khi cân xong thì không có tính tiền mà để tính tiền sau, cả 02 bên cũng có ghi sổ sách tuy nhiên sổ của ông bà đã bị đưa con nhỏ xé mất, hiện nay không còn nữa.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên cần bổ sung thêm quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán và đòi lại tài sản” là tiền đặt cọc vì ngày 23/5/2018 hai bên đã kết nợ tiền cọc. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng số lượng lúa cân gần 200 bao nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh, do đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền cọc còn thiếu theo giấy nhận nợ ngày 23/5/2018 số tiền 70.193.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh LA, bà Nguyễn Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Bích Ch đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Riêng ông C và bà Ch có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người vừa nêu trên. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Sau khi thực hiện hợp đồng mua bán đến ngày 23/5/2018 thì các bên đã lập tờ kết nợ, ông L yêu cầu ông LA trả lại số tiền còn thiếu theo tờ kết nợ nên cần bổ sung thêm quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán và đòi lại tài sản”. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát yêu cầu bổ sung thêm quan hệ pháp luật như đã nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần nội dung yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả nợ mà chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thanh LA trả số tiền 70.193.000 đồng cho ông L. Xét thấy, việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là

hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Lê Văn L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh LA có trách nhiệm trả cho ông số tiền 70.193.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi suất và không yêu cầu bồi thường hợp đồng. Để chứng minh yêu cầu của mình thì ông L cung cấp cho Tòa án các hợp đồng gồm: 03 Hợp đồng mua bán lúa 17/12/2017; 01 Hợp đồng mua bán lúa 21/12/2017 và Biên nhận ngày 23/5/2018 có chữ ký của ông Nguyễn Thanh LA. Ông LA cũng thừa nhận chữ ký trong các hợp đồng là của ông và cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền cọc 90.900.000 đồng của ông L nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Bị đơn ông LA trình bày gia đình ông L qua phần đất ruộng của ông cân lúa vào 24/02/2018 mà không có sự đồng ý của ông là không đúng theo thỏa thuận, đồng thời cân của ông tổng 12 công khoảng 200 bao chứ không phải 56 bao theo lời nguyên đơn trình bày. Tính ra $200 \text{ bao} \times 50\text{kg}/1\text{bao} \times 7.200 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng}$ trừ đi 90.900.000 đồng, hiện nay ông chỉ còn thiếu ông L 18.900.000 đồng. Đến ngày 23/5/2018 ông có viết biên nhận cho ông L hứa 30 ngày sẽ trả cho ông L số tiền 70.193.000 đồng nhưng sau khi viết biên nhận xong thì ông mới nhớ lại chưa trừ thêm tiền lúa cân ngày 24/02/2018 của ông nên ông có viết câu “còn tiền để cộng sau”, đó là tiền lúa để cộng sau. Còn nguyên đơn cho rằng biên nhận ngày 23/5/2018 có hàng chữ cuối cùng khi ký tên xong thì ông LA có thêm vào câu “còn tiền để cộng sau” thì phía nguyên đơn cũng không biết vì sao để như vậy. Mặc dù ông L không cân lúa trực tiếp từ ông LA nhưng theo ông C và bà Ch trình bày thì trước đó ông LA có điện thoại nhờ cân lúa dùm ông, sau khi cân lúa đến ngày 23/5/2018 thì ông LA đã tự tay viết tờ biên nhận nợ là còn nợ ông L số tiền lúa 70.193.000 đồng. Do đó, việc ông LA đồng ý xác nhận nợ với ông L sau khi cân lúa chứng tỏ ông LA cũng đồng ý cho ông C, bà Ch đứng ra cân lúa dùm ông để trừ tiền cọc với ông L.

[6] Về số lượng lúa cân: Ông LA cho rằng cân của ông 12 công cầm cây khoảng 200 bao chứ không phải 56 bao như ông L trình bày, nhưng ông LA không cung cấp được các chứng cứ chứng minh. Tòa án tiến hành xác minh bà Nguyễn Thị Bích Ch, ông Nguyễn Văn C là người đứng ra cân lúa dùm cho ông LA cho rằng trước ngày 24/02/2018 âm lịch thì ông LA có điện thoại nhờ ông bà đứng ra cân lúa bán cho ông L, ông bà có cân dùm cho ông LA là 12 công ruộng, ông bà cũng không nhớ cân bao nhiêu bao nữa, sau khi cân xong thì không có tính tiền mà để tính tiền sau, cả 02 bên cũng có ghi sổ sách tuy nhiên sổ của ông bà đã bị đứn con nhỏ xé mất rồi. Mặc khác, Tòa án có tiền hành xác minh ông Huỳnh Quốc Kh là Trưởng ban nhân dân xóm VH cho rằng vụ lúa Đông-Xuân cắt tháng 02/2018 âm lịch người dân tại địa phương làm lúa thất bình quân 01 công khoảng 7-8 bao lúa, nên việc ông LA cho rằng lúa ông 12 công khoảng 200 bao lúa là không có căn cứ. Đồng thời, phía dưới tờ biên nhận ngày 23/5/2018 có ghi dòng chữ “Còn tiền để

cộng sau” nhưng không ghi rõ nội dung cộng khoảng tiền nào, ông LA cho rằng nội dung là do chưa cân trừ số lúa đã cân nhưng tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận có sự thỏa thuận nội dung như ông LA trình bày nên lời trình bày của ông LA là không có căn cứ để chấp nhận. Từ những phân tích trên, việc ông L yêu cầu ông Nguyễn Thành LA có trách nhiệm trả cho ông số tiền còn thiếu 70.193.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430 và khoản 2 Điều 437 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông LA phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 430; khoản 2 Điều 437 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Th cùng có trách nhiệm trả số tiền 70.193.000 đồng cho ông L.

2/ Buộc ông Nguyễn Thanh LA có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn L số tiền 70.193.000 (*Bảy mươi triệu, một trăm chín mươi ba ngàn đồng*)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông LA còn phải trả lãi cho ông L theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh LA phải chịu số tiền 3.509.650 (*Ba triệu, năm trăm lẻ chín ngàn, sáu trăm năm chục đồng*).

Ông Lê Văn L không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm năm chục ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001457, ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Nơi nhân:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- T.H.A dân sự TX Ngã Năm;
- TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn

